

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bành Trọng Bình

2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Tạ Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Văn H. Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Đặng Phi H, Đặng Đình H;

Sinh năm 1971, tại thành phố Hà Nội;

Nơi ĐKKHKT: không.

Chỗ ở: Thôn 01, xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm nông;

Trình độ học vấn: 7/12;

Con ông: Đặng Văn P, sinh năm 1944; con bà: Hoàng Thị K, sinh năm 1952; sinh sống tại: Thôn A, xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có vợ: Đinh Thị S (Đã ly hôn), sinh năm 1971, hiện sinh sống tại xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội;

Bị cáo có 01 con là Đặng Văn T sinh năm 1993, hiện sinh sống tại xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Không;

Nhân thân: Từ nhỏ bị cáo sống cùng gia đình tại M, thành phố Hà Nội. năm 2003 chuyển đến sinh sống tại thôn 01, xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2005 phạm tội Hiếp dâm trẻ em bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt tù có thời hạn 09 năm theo bản án số 195/2005/HSST ngày 16/9/2005. Năm 2011 phạm tội: Mua dâm người dưới người chưa thành niên bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xử phạt tù có thời hạn 04 năm theo bản án số 05/2012/HSST ngày 19/3/2012.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông Trần Đại N, sinh năm 1958.

Trú tại: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Nữ V, sinh năm 1972

Trú tại: Tổ dân phố F, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng:

Anh Cao Minh X, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn H, xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ án thứ nhất: Ngày 20/5/2019 Đặng Văn H ngồi uống rượu cùng ông Trần Đại N (sinh năm 1958) và anh Lê Đình Q (sinh năm 1974) cùng trú tại: thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Đắk Nông tại nhà của ông Trần Đại N, sau đó anh Q về trước. Uống rượu xong, H hỏi mượn xe mô tô mang biển kiểm soát 48D1-054.28 của ông N để đi ra ngoài uống nước thì được ông N đồng ý, (Lúc này trong cốp xe có: giấy đăng ký xe, bằng lái xe, giấy chứng minh nhân dân và thẻ cựu chiến binh mang tên Trần Đại N). H lấy xe và đi ra quán nước gần đó để uống nước, uống nước xong H điều khiển xe đến nhà anh Q để lấy tiền công mà H làm thuê cho vợ chồng anh Q là 50.000đ (năm mươi ngàn đồng). Lấy tiền xong, H quay lại nhà ông N nhưng không thấy ông N ở nhà nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của ông N. Do đó, H điều khiển xe mô tô của ông N lên thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và ghé vào một quán cơm ở đường Phan Bội Châu ăn cơm, tại đây H gặp và nói chuyện với 02 người thanh niên lạ mặt, hai người thanh niên này rủ H đi chơi, do không có tiền nên H nói với hai người thanh niên này ai mua xe máy thì bán. Nghe vậy, một trong hai người thanh niên này gọi điện, một lúc sau có một người đàn ông đến quán cơm xem xe và đồng ý mua chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 48D1-054.28

với giá 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*). Sau đó, H rủ hai người thanh niên đi uống rượu hết số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*), số tiền còn lại H đón xe khách đi tỉnh Bình Thuận. Về phía ông N, sau khi cho H mượn xe mà không thấy H mang xe về trả, ông N đi tìm H mà không được nên đến ngày 19/8/2019 ông N nộp đơn tố cáo hành vi của H đến Công an huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 27/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 48D1-054.28, số khung RLHJC429BY51851, số máy JC43E6478781, vành tằm, thắng cùm, tài sản đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 23/3/2012, tại thời điểm xâm hại ngày 20/5/2019 tài sản có giá trị là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Quá trình điều tra, Công an huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã ra thông báo truy tìm chiếc xe mô tô nói trên nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Vụ án thứ hai: Ngày 30/5/2019, Đặng Văn H điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 47G1-098.81 của anh Nguyễn Văn B (sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã C, huyện S) chở anh H đến nhà anh Cao Ngọc X (sinh năm 1981, trú tại thôn H, xã C, huyện S) để uống rượu. Trong lúc đang ngồi uống rượu, thì H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh B nên đã nói dối anh B mượn xe ra Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện S để rút tiền về cho anh B và anh X mượn thì được anh B đồng ý. Sau đó, H lấy xe của anh B chạy thẳng xuống thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Tới đây, H gặp một người đàn ông lái xe ô tô hỏi bán xe (sau này xác minh được là anh Huỳnh Tiến D, sinh năm 1984, trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện H) thì anh D dẫn xuống nhà người quen là chị Huỳnh Thị Nữ V (sinh năm 1972, trú tại: Tổ dân phố F, thị trấn E, huyện H) bán xe được 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Sau khi H bán được xe, H cầm số tiền này đón xe khách đến xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Chị Huỳnh Thị Nữ V đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 47G1-098.81 nói trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp để tiến hành điều tra.

Kết luận về việc định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 37 ngày 07/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đen vàng, biển kiểm soát 47G1 – 098.81 có giá trị là 9.816.000đ.

Ngày 06/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã tiến hành thu giữ 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 47G1-098.81.

Xử lý vật chứng:

Ngày 11/9/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã trả lại chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 47G1-098.81 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn B theo Quyết định xử lý vật chứng số 30 ngày 11/9/2019.

Về phần dân sự của vụ án:

Đối với vụ án thứ nhất: Ông Trần Đại N yêu cầu bị cáo Đặng Văn H bồi thường số tiền 10.000.000đ là giá trị của chiếc xe mô tô của ông bị H chiếm đoạt; 1.500.000đ chi phí đi lại và chi phí làm lại giấy tờ gồm: giấy đăng ký xe mô tô 48D1-054.28, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe hạng A1, thẻ cựu chiến binh.

Đối với vụ án thứ hai: Chị Huỳnh Thị Nữ V yêu cầu bị cáo Đặng Văn H bồi thường số tiền 2.500.000đ là số tiền mà chị V đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47G1 – 098.81.

Bản Cáo trạng số: 05/KSĐT - HS ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp đã truy tố bị cáo Đặng Văn H về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi đúng như trong quá trình điều tra, nội dung bản Cáo trạng và nội dung tóm tắt đã nêu trên. Về phần dân sự: Tại phiên bị cáo H đồng ý bồi thường cho ông N số tiền 11.500.000đ (Trong đó có 10.000.000đ tiền bồi thường giá trị xe mô tô bị cáo chiếm đoạt và 1.500.000đ tiền chi phí làm giấy tờ tùy thân của ông N); Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị V số tiền 2.500.000đ tiền chị V đã mua xe bị cáo bán.

Tại phiên tòa người bị hại ông Trần Đại N trình bày: Về sự việc ông bị chiếm đoạt tài sản như bị cáo khai là hoàn toàn đúng, ông không bổ sung gì thêm. Về phần trách nhiệm dân sự: Ông yêu cầu bị cáo H bồi thường cho ông N số tiền 11.500.000đ (Trong đó có 10.000.000đ tiền bồi thường giá trị xe mô tô bị cáo chiếm đoạt và 1.500.000đ tiền chi phí làm giấy tờ tùy thân của ông N). Về trách nhiệm hình sự ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo tại bản cáo trạng. Đồng thời đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Về hình phạt: - Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H mức án tù từ 15 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H mức án tù từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt chung của hai tội. Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/8/2019.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 584; 589 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã trả lại chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 47G1-098.81 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn B theo Quyết định xử lý vật chứng số 30 ngày 11/9/2019.

+ Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận việc bị cáo H và ông Trần Đại N thỏa thuận: Bị cáo H phải bồi thường số tiền 10.000.000đ là giá trị của chiếc xe mô tô của ông bị H chiếm đoạt và 1.500.000đ chi phí đi lại và chi phí làm lại giấy tờ gồm: giấy đăng ký xe mô tô 48D1-054.28, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe hạng A1, thẻ cựu chiến binh cho ông N.

- Ghi nhận việc bị cáo tự nguyện bồi thường cho chị Huỳnh Thị Nữ V số tiền 2.500.000đ là số tiền mà chị V đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47G1 – 098.81.

Bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Đặng Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng

khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, lười lao động và do ý thức coi thường pháp luật, với động cơ ham lợi bất chính. Nên ngày 20/5/2019 Đặng Văn H lợi dụng lòng tin của ông Trần Đại N, bị cáo mượn xe của ông N để đi mua nước uống, được ông N đồng ý, sau đó bị cáo quay trở lại nhà ông N nhưng không có ông N ở nhà nên bị cáo H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông N, bị cáo đã bán chiếc xe với giá 4.000.000đ lấy tiền tiêu xài hết (Giá trị tài sản bị xâm hại là 10.000.000đ theo kết luận định giá số 32 ngày 07/8/2019); Đến ngày 30/5/2019 H nói dối anh Nguyễn Văn B là ra ngân hàng để rút tiền về cho anh B và anh X mượn. Sau đó bị cáo không đi ra ngân hàng để rút tiền mà chạy xe mô tô xuống thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk bán cho chị Huỳnh Thị Nữ V với số tiền 2.500.000đ để lấy tiền tiêu xài, (Giá trị tài sản bị xâm hại là 9.816.000đ, theo kết luận định giá số 37 ngày 27/8/2019). Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 19.816.000 đồng.

Do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự

Khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;.....

[3]. Xét tính chất mức độ, hành vi của bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an trong khu vực nên bị

cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra.

- Về tình tiết tăng nặng, nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2005 phạm tội Hiếp dâm trẻ em bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt tù có thời hạn 09 năm theo bản án số 195/2005/HSST ngày 16/9/2005. Năm 2011 phạm tội: Mua dâm người dưới người chưa thành niên bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xử phạt tù có thời hạn 04 năm theo bản án số 05/2012/HSST ngày 19/3/2012 bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội.

- Các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian tự rèn luyện bản thân và cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Xét đề nghị của Đại diện VKSND huyện Ea súp về tội danh, về các biện pháp tư pháp là có cơ sở cần chấp nhận. Đối với hình phạt của bị cáo HĐXX thấy mức hình phạt đề nghị của kiểm sát viên là có phần nghiêm khắc, nên HĐX cần xem xét khi lượng hình.

[4] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật dân sự;

+ Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã trả lại chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 47G1-098.81 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn B theo Quyết định xử lý vật chứng số 30 ngày 11/9/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Đặng Văn H phải bồi thường số tiền 10.000.000đ cho ông Trần Đại N là giá trị của chiếc xe mô tô của ông N bị H chiếm đoạt và 1.500.000đ chi phí đi lại và chi phí làm lại giấy tờ gồm: giấy đăng ký xe mô tô 48D1-054.28, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe hạng A1, thẻ cựu chiến binh.

- Bị cáo Đặng Văn H phải bồi thường cho chị Huỳnh Thị Nữ V số tiền 2.500.000đ là số tiền mà chị V đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47G1 – 098.81.

[5]. Đối với anh Huỳnh Tiến D là người giới thiệu người mua xe cho bị cáo H và chị Huỳnh Thị Nữ V là người mua xe của bị cáo H; tuy nhiên anh D và chị V đều không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47G1-098.81 là tài sản do H chiếm đoạt của người khác nên không có cơ sở để xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn H (Tên gọi khác: Đặng Phi H, Đặng Đình H) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự;

2. Về hình phạt: - Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H (Đặng Phi H, Đặng Đình H): 01 (Một) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H (Đặng Phi H, Đặng Đình H): 01 năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt chung của hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo Đặng Văn H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/8/2019.

3. Các biện pháp tư pháp:

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật dân sự;

+ **Về xử lý vật chứng:** Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã trả lại chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 47G1-098.81 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn B theo Quyết định xử lý vật chứng số 30 ngày 11/9/2019.

+ Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Đặng Văn H phải thường số tiền 10.000.000đ cho ông Trần Đại N là giá trị của chiếc xe mô tô của ông N bị H chiếm đoạt và số tiền 1.500.000đ chi phí đi lại và chi phí làm lại giấy tờ gồm: giấy đăng ký xe mô tô 48D1-054.28, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe hạng A1, thẻ cựu chiến binh.

- Bị cáo Đặng Văn H phải thường cho chị Huỳnh Thị Nữ V số tiền 2.500.000đ là số tiền mà chị V đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47G1 – 098.81.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong gia đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Đặng Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện S;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thành Huế